

Số: 09/2024/CV-A7

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

- Mã chứng khoán: DL1
- Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.3736.7187 Fax: 028.3736.7187
- Email: info@a7group.vn Website: http://www.a7group.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/03/2024 tại đường dẫn: <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023;
- Văn bản giải trình chênh lệch 10% LNST.



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Số: 10/2024/CV-A7

TpHCM, ngày 30 tháng 3 năm 2024

“V/v giải trình liên quan đến BCTC
năm 2023 đã được kiểm toán”

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào :

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 4 năm 2023 đã được công bố;

Công ty xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 như sau :

I. Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả kinh doanh chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên.

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Sau Kiểm toán	Trước Kiểm toán		
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.720.855.096	3.772.909.704	(52.054.608)	(1,38)
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.606.645.945	17.554.591.337	52.054.608	0,30
3	Thu nhập khác	98.731.800	570.000.000	(471.268.200)	(82,68)
4	Chi phí khác	21.426.287	492.694.487	(471.268.200)	(95,65)
5	Lợi nhuận khác	77.305.513	77.305.513	-	-
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.683.951.458	17.631.896.850	52.054.608	0,30
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.211.691.668	1.208.331.632	3.360.036	0,28
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.472.259.790	16.423.565.218	48.694.572	0,30

- Thu nhập khác và Chi phí khác giảm 471 triệu đồng tương ứng 82,68% ; 95,65% so với trước kiểm toán do ghi nhận giảm bù trừ chi phí thanh lý sau kiểm toán;

- Các điều chỉnh khác chênh lệch trước và sau kiểm toán không đáng kể

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Chênh Lệch	% Tăng/giảm
		Sau Kiểm toán	Trước Kiểm toán		
1	Giá vốn hàng bán	143.361.920.645	142.969.424.803	392.495.842	0,27
2	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.910.958.399	138.304.125.241	(393.166.842)	(0,28)
3	Doanh thu hoạt động tài chính	71.445.902.439	71.452.887.780	(6.985.341)	(0,01)
4	Chi phí tài chính	128.872.791.447	128.827.268.371	45.523.076	0,04
5	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l. doanh	20.465.184.444	20.353.123.399	112.061.045	0,55
6	Chi phí bán hàng	1.272.553.559	1.243.465.204	29.088.355	2,34
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.193.312.660	28.899.174.210	294.138.450	1,02
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.483.387.616	71.140.228.635	(656.841.019)	(0,92)
9	Thu nhập khác	1.377.185.376	2.318.639.309	(941.453.933)	(40,60)
10	Chi phí khác	79.300.582	1.020.754.515	(941.453.933)	(92,23)
11	Lợi nhuận khác	1.297.884.794	1.297.884.794	-	-
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.781.272.410	72.438.113.429	(656.841.019)	(0,91)
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.211.691.668	1.208.331.632	3.360.036	0,28
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	70.569.580.742	71.229.781.797	(660.201.055)	(0,93)
15	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	42.187.623.874	42.428.688.896	(241.065.022)	(0,57)
16	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	28.381.956.868	28.801.092.901	(419.136.033)	(1,46)

-Thu nhập khác và Chi phí khác giảm 941 triệu đồng tương ứng 40,60% ; 92,23% so với trước kiểm toán do ghi nhận giảm bù trừ chi phí thanh lý sau kiểm toán; ;

- Các điều chỉnh khác chênh lệch trước và sau kiểm toán không đáng kể

II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ

STT	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Năm 2023	Năm 2022		
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	17.324.865.803	13.552.417.576	3.772.448.227	27,84
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			-	
3	Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	17.324.865.803	13.552.417.576	3.772.448.227	27,84
4	Giá vốn hàng bán	7.019.378.685	9.626.746.578	(2.607.367.893)	(27,08)
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.305.487.118	3.925.670.998	6.379.816.120	162,52
6	Doanh thu hoạt động tài chính	56.149.886.204	57.365.265.558	(1.215.379.354)	(2,12)
7	Chi phí tài chính	44.540.682.467	40.667.123.288	3.873.559.179	9,53
8	Chi phí bán hàng	587.189.814	693.193.678	(106.003.864)	(15,29)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.720.855.096	3.635.875.741	84.979.355	2,34
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.606.645.945	16.294.743.849	1.311.902.096	8,05
11	Thu nhập khác	98.731.800	-	98.731.800	100
12	Chi phí khác	21.426.287	803.214.743	(781.788.456)	(97,33)
13	Lợi nhuận khác	77.305.513	(803.214.743)	880.520.256	(109,62)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.683.951.458	15.491.529.106	2.192.422.352	14,15
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.211.691.668	1.393.530.438	(181.838.770)	(13,05)
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.472.259.790	14.097.998.668	2.374.261.122	16,84

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 tăng : 2,374 tỷ đồng, do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 tăng 27,84% so cùng kỳ năm trước;
- Giá vốn bán hàng trong kỳ giảm 27,08% so với cùng kỳ năm trước, là nguyên nhân làm cho lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng khoản tương ứng 162,52%;
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 giảm 1,215 tỷ đồng tương ứng 2,12% so cùng kỳ năm trước ;
- Chi phí tài chính tăng 3,873 tỷ đồng tương ứng tăng 9,53% so với cùng kỳ năm trước;
- Chi phí bán hàng giảm 106 triệu đồng tương ứng 15,29% so với cùng kỳ năm trước;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 84 triệu đồng so cùng kỳ năm trước;
- Thu nhập khác tăng 98 triệu đồng so cùng kỳ năm trước;
- Chi phí khác giảm 781 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước;

Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 2,192 tỷ đồng, thuế TNDN giảm 181 triệu đồng dẫn đến Lợi nhuận sau thuế tăng 2,374 tỷ đồng tương ứng 16,84% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán		Chênh Lệch	% Tăng/ giảm
		Năm 2023	Năm 2022		
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.781.272.410	68.265.820.114	3.515.452.296	5,15
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.211.691.668	1.393.530.438	(181.838.770)	(13,05)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	70.569.580.742	66.872.289.676	3.697.291.066	5,53
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	42.187.623.874	45.302.006.532	(3.114.382.658)	(6,87)
5	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	28.381.956.868	21.570.283.144	6.811.673.724	31,58

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 tăng 3,697 tỷ đồng tương ứng 5,53% so với năm 2022 :

Trên đây là giải trình của công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC